

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3615/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Căn cứ Quyết định 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm;

Căn cứ Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ Thiết lập đường triều cao trung bình nhiều năm và lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 927/TTr-STNMT ngày 15/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt đề cương và dự toán nhiệm vụ: Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4348/SKHĐT-QH ngày 19/9/2017 về việc báo cáo kết quả thẩm định đề cương nhiệm vụ Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa, kèm theo Công văn số 3682/STC-HCSN ngày 30/8/2017 của Sở Tài chính, Công văn số 4891/SXD-QH ngày 07/9/2017 của Sở Xây dựng, Công văn số 3037/SGTVT-TĐKHKT ngày 05/9/2017 của Sở Giao thông vận tải, Công văn số 892/SKHCHN-QLCN ngày 06/9/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ, Công văn số 2682/SCT-KT&ATCN ngày 01/9/2017 của Sở Công Thương, Công văn số 2655/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 05/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và Lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành

lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Tên nhiệm vụ: Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và Lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa.

2. Đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

3. Mục tiêu: Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và Lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển nhằm xác định phạm vi, ranh giới các khu vực bờ biển phải thiết lập hành lang bảo vệ, phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng cắm mốc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển ngoài thực địa; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng bền vững vùng bờ biển tỉnh Thanh Hóa.

4. Yêu cầu

- Quá trình tổ chức xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và Lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển phải đảm bảo phù hợp với Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Đề điều, Quy hoạch hệ thống đê biển và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Nội dung, phương pháp và trình tự lập, phê duyệt, công bố Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa phải đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Công bố danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và Ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm vùng ven biển Việt Nam; Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Phạm vi thực hiện: 43 xã/phường/thị trấn ven biển thuộc địa bàn thành phố Sầm Sơn, các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Tĩnh Gia và vùng biển ven bờ, cách bờ 6 hải lý.

6. Nhiệm vụ

6.1. Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm

6.1.1 Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên bản đồ (Nội dung và phương pháp được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ Tài nguyên và môi trường)

a) Chuẩn bị phần mềm và thu thập số liệu:

- Phần mềm Mapinfo kèm theo Vertical mapper version; Surfer 8; Geotool 1.3.

- Dữ liệu: Các điểm có giá trị đặc trưng được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016; dữ liệu bản đồ nền địa hình đáy biển tỷ lệ 1/50.000, bản đồ nền địa hình đất liền tỷ lệ

1/10.000; các điểm khống chế tọa độ, độ cao quốc gia khu vực ven biển Thanh Hóa; hải đồ khu vực ven biển Thanh Hóa; mô hình số độ cao phần đất liền vùng ven biển Thanh Hóa.

b) Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên bản đồ

- Nhận dạng kiểu đường bờ trên bản đồ tỷ lệ 1/10.000: Đường bờ thẳng có độ cong không vượt quá 10%. Đường bờ uốn lượn có độ cong vượt quá 10%.

- Thực hiện thống nhất dữ liệu địa hình đáy biển và dữ liệu địa hình trên đất liền, trên đảo trong một mảnh bản đồ.

- Nhập dữ liệu cao độ địa hình trên đất liền, trên đảo và bản đồ địa hình đáy biển vào phần mềm GIS.

- Nội suy dữ liệu chi tiết: Nội suy, tăng dày 408 điểm (trung bình 250m/điểm cho bản đồ tỷ lệ 1/25.000).

- Xây dựng đường đồng mức địa hình chi tiết.

- + Xây dựng mô hình số độ cao, đường đồng mức địa hình chi tiết phục vụ cho việc xác định vị trí ứng với đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm.

- + Thiết lập các đường đồng mức theo các giá trị của điểm đặc trưng mực nước triều.

- Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm.

- + Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm đối với kiểu đường bờ thẳng.

- + Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm đối với kiểu đường bờ uốn lượn.

- Thể hiện đường MNTCTBNN trên bản đồ: Bản đồ mực nước triều cao nhiều năm được xây dựng và biên tập trên các bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1:25.000, bao gồm các lớp dữ liệu:

- + Lớp dữ liệu hành chính: Ranh giới các cấp đơn vị hành chính; địa danh; dân cư...

- + Lớp dữ liệu về thủy hệ: Biển, sông, hồ, sông nhỏ, suối.

- + Lớp dữ liệu về địa hình: Đường bình độ, điểm độ cao, đường đẳng sâu, điểm độ sâu.

- + Lớp dữ liệu về thủy triều: Đường triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm. Các ghi chú giá trị độ cao thể hiện cho từng đoạn.

6.1.2. *Xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm ngoài thực địa* (Nội dung và phương pháp được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ Tài nguyên và môi trường)

Bước 1: Thu thập thông tin về đường bờ tại khu vực cần xác định đường mực nước triều cao trung bình ngoài thực địa.

Bước 2: Lấy thông tin đường mực nước triều cao trung bình trên bản đồ đã xây dựng và giá trị mực nước triều cao trung bình nhiều năm của khu vực.

Bước 3: Nhận dạng kiểu đường bờ: Từ các thông tin về hình thái địa hình ngoài thực tế, xác định kiểu đường bờ tương ứng với nhận dạng kiểu đường bờ trên bản đồ.

Bước 4: Xác định vị trí ứng với mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên thực địa: Sử dụng phương pháp đo thủy chuẩn hình học (đối với đảo hoặc khu vực không thể đo bằng phương pháp thủy chuẩn hình học thì áp dụng phương pháp sử dụng công nghệ GNSS động RTK).

Bước 5: Cắm mốc

Việc cắm mốc phải căn cứ theo nhu cầu quản lý của địa phương và theo đặc điểm của đường bờ (Đối với đường bờ thoải, có yêu cầu quản lý hoạt động kinh tế, mốc được bố trí dày hơn; đối với đường bờ biển là vách núi không có yêu cầu quản lý hoạt động kinh tế và không có các hoạt động khác làm ảnh hưởng tiêu cực đến bờ biển thì không cần thiết phải cắm mốc).

a) Đối với kiểu bờ biển thẳng, khoảng cách giữa các mốc có thể lớn hơn độ phân giải (mật độ số liệu tối thiểu phục vụ xây dựng cho từng loại tỷ lệ bản đồ) cần thiết đối với tỷ lệ bản đồ cần xây dựng nhưng không vượt quá 3 lần độ phân giải.

b) Đối với bờ biển uốn lượn khoảng cách giữa nhỏ hơn hoặc bằng độ phân giải cần thiết đối với tỷ lệ bản đồ cần xây dựng.

Bước 6: Hiệu chỉnh lại vị trí đã xác định ngoài thực địa lên bản đồ.

6.2. Lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa

6.2.1. Thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển (Các thông tin, dữ liệu thu thập phải đảm bảo mục đích, yêu cầu được quy định tại điều 4, chương II, Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016).

6.2.2. Đánh giá hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ

a) Nội dung đánh giá

- Đặc điểm điều kiện tự nhiên, dân số, cơ cấu ngành nghề, kinh tế - xã hội khu vực vùng bờ;

- Quy luật phân bố, tiềm năng tài nguyên vùng bờ;

- Hiện trạng hệ sinh thái, giá trị dịch vụ hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên vùng bờ;

- Đặc điểm, chế độ sóng và xây dựng tập bản đồ trường sóng theo quy định tại Điều 6 Thông tư 29, được trình bày tại mục 9.2.3;

- Dao động mực nước, mực nước biển dâng do bão theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016;

- Tình trạng sạt lở, bồi tụ tại khu vực vùng bờ; diễn biến, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến vùng bờ;

- Hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.

b) Kết quả đánh giá hiện trạng tài nguyên môi trường vùng bờ

- Báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ (theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016).

- Bản đồ hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ tỷ lệ 1:50.000: Thể hiện phạm vi, ranh giới các hệ sinh thái, các khu bảo tồn, các khu vực có giá trị cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa; các khu vực bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở, ngập lụt; các khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; các khu vực phục vụ lợi ích cộng đồng, các khu vực có mật độ dân số cao, tập trung các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

6.2.3. Đánh giá đặc điểm, chế độ sóng và xây dựng tập bản đồ trường sóng (thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 26/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016)

a) Đánh giá chế độ sóng ngoài khơi.

b) Đánh giá chế độ sóng ven bờ.

c) Xây dựng bản đồ trường sóng, tỷ lệ 1:25.000.

6.2.4. Đánh giá dao động mực nước biển ven bờ, mực nước biển dâng do bão

6.2.5. Xác định các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

a) Đánh giá, đề xuất các khu vực có hệ sinh thái cần bảo vệ, các khu vực cần duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

- Đánh giá, đề xuất khu vực có hệ sinh thái tự nhiên quan trọng với quốc gia, quốc tế, đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên.

- Đánh giá, đề xuất khu vực là nơi sinh sống thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Đánh giá, đề xuất khu vực có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục.

- Đánh giá, đề xuất khu vực có cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên, có giá trị du lịch sinh thái.

- Đánh giá, đề xuất khu vực có yếu tố sinh thái đóng vai trò quan trọng đến việc duy trì sự cân bằng, thống nhất của hệ sinh thái.

b) Đánh giá, đề xuất các khu vực bị sạt lở, có nguy cơ bị sạt lở gắn với yêu cầu giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng (thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016).

c) Đánh giá, đề xuất các khu vực gắn với yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển

- Đánh giá mật độ dân số tại vùng đất ven biển.

- Đánh giá thực trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên của người dân (du lịch, nuôi trồng, đánh bắt hải sản và các hoạt động khác của người dân) diễn ra tại vùng bờ.

- Đánh giá số lượng người dân tại vùng đất ven biển có sinh kế phụ thuộc trực tiếp vào biển.

- Đánh giá hiện trạng và quy hoạch các công trình xây dựng tại khu vực.
- Đánh giá nhu cầu thực tiễn của người dân tiếp cận với biển.

d) Đề xuất dự thảo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

- Lựa chọn các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.
- Đề xuất danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, gồm các yêu cầu sau:
 - + Danh sách các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.
 - + Tên, địa giới hành chính, vị trí địa lý, mô tả khái quát từng khu vực.
 - + Tọa độ hai điểm giới hạn khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm.
 - + Mục đích, yêu cầu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển của từng khu vực.
- Xây dựng bản đồ các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, tỷ lệ 1:25.000.

6.3. Xây dựng Báo cáo tổng kết nhiệm vụ

7. Sản phẩm

7.1. Các báo cáo chuyên đề

- Báo cáo đánh giá hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ Thanh Hoá
- Báo cáo Đánh giá, đề xuất các khu vực có hệ sinh thái cần bảo vệ, các khu vực cần duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên vùng ven biển Thanh Hoá.
- Báo cáo Đánh giá, đề xuất các khu vực có hệ sinh thái cần bảo vệ, các khu vực cần duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên vùng ven biển Thanh Hoá.
- Báo cáo Đánh giá, đề xuất các khu vực bị sạt lở, có nguy cơ bị sạt lở gắn với yêu cầu giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng vùng ven biển Thanh Hoá.

7.2. Báo cáo chính

- Báo cáo thuyết minh tổng kết nhiệm vụ
- Danh mục các điểm đặc trưng đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm vùng ven biển Thanh Hóa.
- Danh mục các điểm mốc đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm vùng ven biển Thanh Hóa.
- Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hoá.

7.3. Bản đồ

- Bản đồ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm vùng ven biển Thanh Hoá tỷ lệ 1:25.000.
- Bản đồ các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Thanh Hoá tỷ lệ 1:25.000.
- Bản đồ hiện trạng tài nguyên, môi trường vùng bờ tỉnh Thanh Hoá tỷ lệ

1:50.000.

- Bản đồ trường sóng vùng ven biển Thanh Hoá, tỷ lệ 1:25.000.

8. Công bố kết quả sản phẩm

- Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm (theo quy định tại Khoản 2, Điều 36 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ).
- Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển (theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ).

9. Thời gian thực hiện: Năm 2017 -2018.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ đề cương nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương triển khai các bước tiếp theo để tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ và phù hợp với quy định hiện hành.

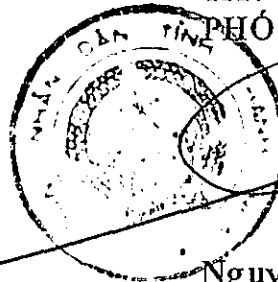
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PGN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền